

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2024
“V/v tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm.
2- Ông Phạm Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa: bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lý Kim H, sinh năm: 1984. Địa chỉ: B K 2 Ô thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An

- Bị đơn: ông Trần Công N, sinh năm: 1991. Địa chỉ: 6 Ô khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An

(Bà H có mặt, ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2024 bà Lý Kim H trình bày: bà H và ông Trần Công N có đăng ký kết hôn vào ngày 23/4/2012 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 42/2012. Sau khi kết hôn bà H và ông N sống chung cùng gia đình bà H tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu bà H và ông N chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này phát sinh những mâu thuẫn về tiền bạc, ông N không biết lo cho vợ con nên vợ chồng thường hay gây cãi, bà H và ông N đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: có 02 con chung Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 18/8/2011 và Trần Ngọc Cát T, sinh ngày 10/8/2014. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Công N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có văn bản ý kiến trình bày. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục tổng đạt niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông N biết Tòa án có thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của bà H nhưng ông N không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc bà H xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tỉnh Long An phát biểu quan điểm: từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: bà H xin ly hôn, ông N không có văn bản trình bày ý kiến, không có thiện chí hàn gắn nên đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung: có 02 con chung Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 18/8/2011 và Trần Ngọc Cát T, sinh ngày 10/8/2014. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Theo bản tự khai của hai con chung có nguyện vọng ở với ông N nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông N không có ý kiến về yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Hai con chung đang được mẹ ông N trực tiếp chăm sóc nhưng mọi chi phí do bà H cung cấp nên giao hai con cho bà H nuôi là phù hợp. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1Thủ tục tố tụng:

[1.1.Về thẩm quyền: bà Lý Kim H nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông Trần Công N. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2. Về sự vắng mặt của đương sự: bà Lý Kim H có mặt, ông Trần Công N vắng mặt. Tòa án giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung:

Căn cứ lời trình bày của bà H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông N được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hôn nhân của bà H và ông N đã không có tiếng nói chung, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau,

mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H vẫn kiên quyết xin ly hôn, ông N không có ý kiến hay yêu cầu gì, thể hiện việc ông N không thiết tha hàn gắn tình cảm với bà H, không quan tâm yêu cầu xin ly hôn của bà H, từ tháng 5/2022 bà H và ông N cũng không còn chung sống với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa bà H và ông N không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: có 02 con chung Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 18/8/2011 và Trần Ngọc Cát T, sinh ngày 10/8/2014. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa bà H trình bày, hiện bà H đang làm nhân viên cho cơ sở thẩm mỹ ở thành phố T thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Hai con chung của bà H và ông N đang ở chung với mẹ ruột của ông N trong căn nhà của mẹ ruột bà H, mọi chi phí ăn uống điện nước, tiền học phí và sinh hoạt của hai con đều do bà H thanh toán, mẹ ruột ông N có công chăm sóc và đưa đón đi học. Tại bản tự khai thì hai con có nguyện vọng ở với ông N nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông N vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con là trách nhiệm của cha mẹ nên yêu cầu được nuôi hai con chung của bà H là phù hợp nên chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tỉnh Long An là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà H phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Kim H và ông Trần Công N.

Về quan hệ hôn nhân: bà Lý Kim H được ly hôn ông Trần Công N.

Về con chung: giao 02 con chung Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 18/8/2011 và Trần Ngọc Cát T, sinh ngày 10/8/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu.

Mặc dù không được trực tiếp nuôi con chung nhưng ông N có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung cha,

mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lý Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008191 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Ông Trần Công N không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết nếu không đồng ý với quyết định của bản án thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 03/5/2024, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND thị trấn Thủ Thừa.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy